



VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KỸ THUẬT BIỂN

BẢN TIN TUẦN

Bản tin kỳ 7, giám sát ngày 22/3/2023
dự báo từ 23/3÷30/03/2023

Nhiệm vụ:

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong
hệ thống công trình thủy lợi Dầu Tiếng,
phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp
năm 2023

TP. Hồ Chí Minh, tháng 03-2023

Địa chỉ: 658 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: 84.8.38362821 - Fax: 84.8.39245269

Website: www.icoe.org.vn

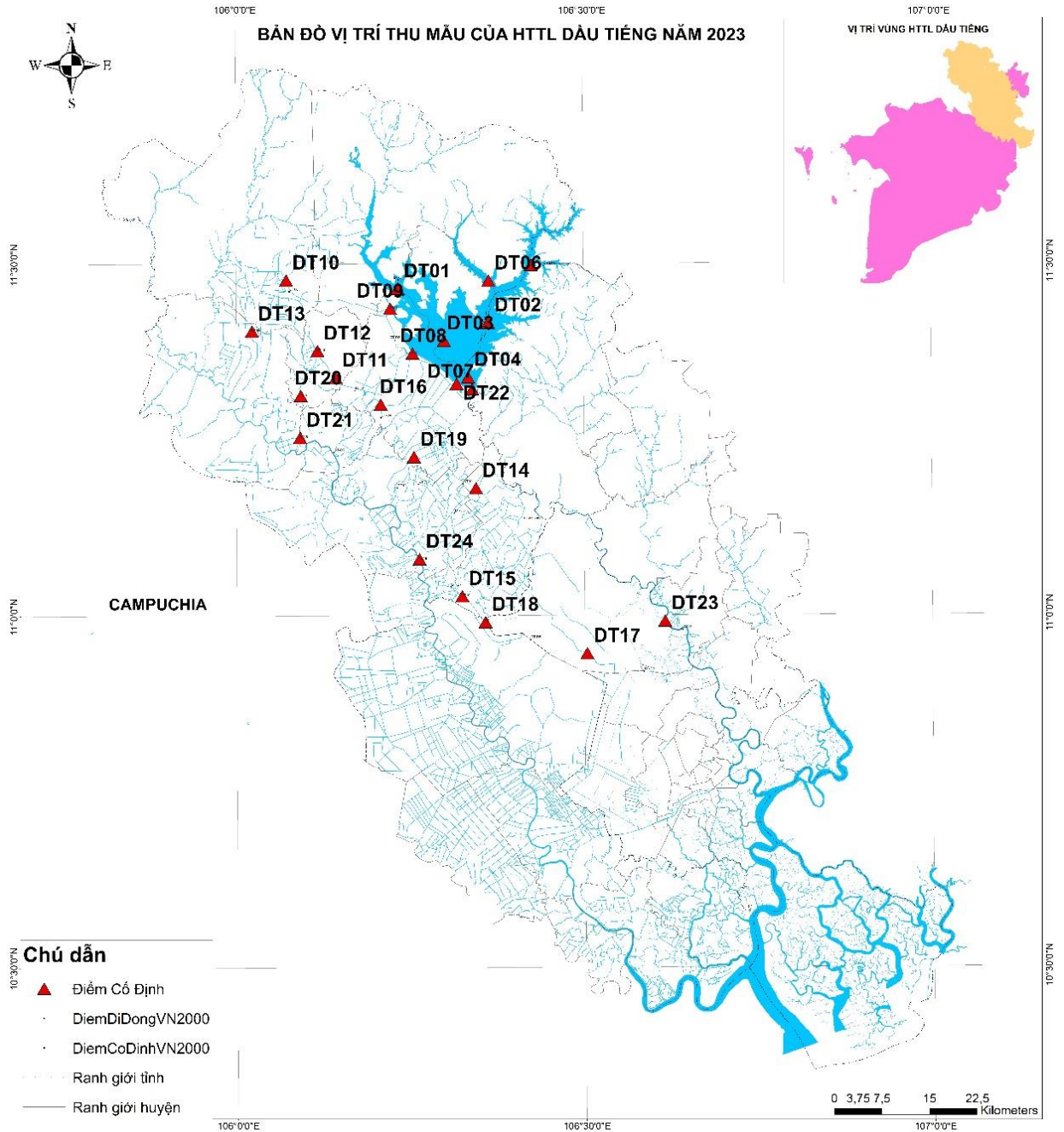
ISO 9001:2015

BẢN TIN TUẦN

“Bản tin kỳ 7 đợt đo ngày 22/3/2023 dự báo từ ngày 23÷30/3/2023”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 22 tháng 3 năm 2023

Nhiệm vụ quan trắc tại 24 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1, kết quả đo đạc như Bảng 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước trong HTTL Dầu Tiếng 2023

Bảng 1: Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 24 vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí thu mẫu (ký hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	PO ₄ ³⁻	NH ₄ ⁺	NO ₂ ⁻	NO ₃ ⁻	Fe ^{TS}	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
		-	‰	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l					MPN/100ml		
	QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1	5,5-9		50	>=4	15	30	0,3	0,9	0,05	10	1,5	7.500		
I	Khu vực công trình đầu mối														
1	Trong lòng hồ Dầu Tiếng về phía thượng lưu (cách cống số 3 khoảng 5km) theo hướng Tây Nam. (DT1)	7,20	-	≤ 4	6,2	4,9	10,8	0,004	0,21	0,010	0,021	0,22	2.500	97	Chất lượng nước rất tốt, đạt các yêu cầu lấy nước
2	Trong lòng hồ Dầu Tiếng, cách cửa công đầu mối số 1 khoảng 15km theo hướng thượng nguồn (DT2)	7,71	-	≤ 4	6,1	4,4	8,6	0,004	0,16	0,010	0,038	0,14	1.500	98	
3	Khu vực lòng hồ (DT3)	7,32	-	≤ 4	6,3	4,5	8,2	0,004	0,20	0,011	0,024	0,13	3.500	95	
4	Trong lòng hồ trước cống số 1 khoảng 4km (DT4)	7,41	-	≤ 4	6,2	4,4	9,1	0,004	0,39	0,011	0,045	0,17	7.200	77	Chất lượng nước tốt, đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt (cần phải xử lý)
5	Trong lòng hồ Dầu Tiếng về phía thượng lưu (cách cống số 1 khoảng 35km) (DT5)	7,04	-	≤ 4	6,2	4,4	9,4	0,004	0,52	0,009	0,032	0,17	7.600	74	Chất lượng nước ở mức trung bình do hàm lượng Coliform vượt nhẹ cột B1 (vượt 1,01 lần)

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Dầu Tiếng, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 22/3/2023)

6	Trong lòng hồ Dầu Tiếng về phía thượng lưu (cách cống số 1 khoảng 40km) theo hướng Đông Bắc (DT6)	7,76	-	≤ 4	6,5	5,7	10,5	0,005	0,17	0,009	0,019	0,28	5.200	88	Chất lượng nước tốt, đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt (cần phải xử lý)
7	Đầu kênh chính Đông, cách cửa cống đầu mối số 1 khoảng 200m (DT7)	7,14	-	≤ 4	5,2	4,2	9,2	0,004	0,21	0,018	0,054	0,29	3.800	92	Chất lượng nước rất tốt, đạt các yêu cầu lấy nước
8	Đầu kênh Chính Tây, cách cửa cống số 2 khoảng 200m (DT8)	6,98	-	7,3	5,5	4,1	8,4	0,004	0,23	0,019	0,060	0,31	4.000	92	
9	Đầu kênh Tân Hưng, cách cửa cống số 3 khoảng 200m (DT9)	7,25	-	9,2	5,6	3,7	8,6	0,004	0,54	0,020	0,035	0,36	9.500	62	Chất lượng nước ở mức trung bình. Hàm lượng Coliform cao (vượt 1,3 lần cột B1) cần lưu ý xử lý khi sử dụng cấp nước SH, tưới rau sống
II	Hệ thống kênh tưới														
10	Trên kênh Tân Hưng cách đầu kênh tưới N5 khoảng 20m (DT10)	7,21	-	9,0	5,3	5,4	10,5	0,004	0,27	0,020	0,045	0,40	8.400	71	Chất lượng nước ở mức trung bình. Hàm lượng Coliform cao (vượt 1,12 lần cột B1) cần lưu ý xử lý khi sử dụng cấp nước SH, tưới rau sống
11	Trên kênh Chính Tây cách kênh tưới TN5 khoảng 20m (DT11)	6,20	-	6,2	5,4	4,6	9,5	0,004	0,31	0,026	0,046	0,56	4.900	86	Chất lượng nước tốt, đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt (cần phải xử lý)
12	Trên kênh chính Tây cách nhà máy đường Tây Ninh khoảng 30m. (DT12)	6,55	-	≤ 4	6,0	4,6	10,2	0,004	0,32	0,028	0,036	0,72	8.100	72	Chất lượng nước ở mức trung bình. Hàm lượng Coliform cao (vượt 1,1 lần cột B1) cần lưu ý xử lý khi sử dụng cấp nước SH, tưới rau sống
13	Trên kênh TN19 – cấp	6,62	-	10,8	5,8	4,4	10,5	0,004	0,21	0,028	0,047	0,51	5.400	87	Chất lượng nước tốt, đáp

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Dầu Tiếng, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 22/3/2023)

	2 kênh chính Tây (cách đầu kênh tưới khoảng 2km) (DT13)															ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt (cần phải xử lý)
14	Trên kênh Chính Đông cách đầu kênh tưới N10 khoảng 100m (DT14)	7,01	-	8,6	5,3	4,2	9,2	0,004	0,26	0,031	0,040	0,56	7.900	75	Chất lượng nước ở mức trung bình. Hàm lượng Coliform cao (vượt 1,05 lần cột B1) cần lưu ý xử lý khi sử dụng cấp nước SH, tưới rau sống	
15	Trên kênh Vàm Trảng giáp ranh tỉnh Long An và Tây Ninh (DT15)	6,25	-	61,4	3,5	21,5	35,2	0,035	3,97	0,075	0,23	3,05	23.000	29	Nguồn nước khá xấu bị ô nhiễm bởi các chỉ tiêu dinh dưỡng, hữu cơ, coliform, sắt, TSS,... vượt cột B1. Nên cần lưu ý xử lý nguồn nước trước khi cấp cho nông nghiệp.	
16	Trên kênh tưới TN1 (cấp 2 kênh chính Tây), cách đầu kênh tưới khoảng 500m (DT16)	6,37	-	7,6	5,3	6,2	12,2	0,004	0,42	0,033	0,12	0,46	4.100	85	Chất lượng nước tốt, đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt (cần phải xử lý)	
17	Trên kênh chính Đông (trước khu vực cấp nước cho nhà máy nước trên kênh Đông) (DT17)	6,89	-	6,6	5,6	4,7	10,5	0,004	0,26	0,034	0,054	0,57	6.200	83	Chất lượng nước tốt, đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt (cần phải xử lý)	
III	Hệ thống kênh tiêu															
18	Trên kênh Xáng giáp ranh tỉnh Long An và Tp.HCM (DT18)	6,52	-	88,4	4,7	24,7	48,2	0,021	6,09	0,093	0,580	3,70	36.000	28	Nguồn nước khá xấu bị ô nhiễm bởi các chỉ tiêu dinh dưỡng, hữu cơ, coliform, sắt, TSS,... vượt cột B1. Nên cần lưu ý xử lý nguồn nước trước khi cấp cho nông nghiệp.	

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Dầu Tiếng, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 22/3/2023)

19	Trên kênh tiêu T12-T17 (vị trí K0+395) xã Truong Mít, Dương Minh Châu (DT19)	6,56	-	6,5	5,1	6,8	16,5	0,004	0,37	0,039	0,100	0,45	4.700	81	Nên cần lưu ý xử lý nguồn nước trước khi cấp cho nông nghiệp.
20	Trên Rạch Tây Ninh trong thị xã, cách cầu khoảng 50m (DT20)	5,87	-	≤ 4	3,5	19,1	36,5	0,22	2,90	0,078	0,360	1,50	21.000	24	Nguồn nước khá xấu bị ô nhiễm bởi các chỉ tiêu dinh dưỡng, hữu cơ, coliform, sắt, TSS,... vượt cột B1.
21	Trên Rạch Tây Ninh, cách sông Vàm Cỏ khoảng 1000m (DT21)	5,95	-	66,2	3,0	21,2	38,4	0,22	2,44	0,085	0,480	1,79	13.000	26	Nên cần lưu ý xử lý nguồn nước trước khi cấp cho nông nghiệp.
22	Trên kênh tiêu sau đập phụ hồ chứa nước Dầu Tiếng (DT22)	5,87	-	74,3	2,4	29,4	50,2	0,75	5,48	0,049	0,620	4,51	27.000	24	Lưu ý: nguồn nước thải từ Công ty TNHH Miwon Việt Nam vào điểm tiếp nhận là kênh tiêu sau đập phụ hồ Dầu Tiếng (tại DT22)
IV	Khu đầy mặn trên sông														
23	Sông Sài Gòn cách cầu Phú Cường khoảng 3km về phía thượng lưu (DT23)	6,05	0,10	44,1	4,5	12,4	20,2	0,050	0,36	0,043	0,080	1,12	8.400	63	Chất lượng nước ở mức trung bình. Hàm lượng Coliform cao (vượt 1,12 cột B1) cần lưu ý xử lý khi sử dụng cấp nước SH, tưới rau sống
24	Sông Vàm Cỏ Đông cách cầu Gò Dầu khoảng 50m (DT24)	6,20	0,00	28,8	4,3	12,4	22,8	0,044	0,53	0,039	0,11	1,20	3.900	79	Chất lượng nước tốt, đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt (cần phải xử lý)

2. Dự báo chất lượng nước từ ngày 07÷14/3/2023

Dự báo cho 03 chỉ tiêu: DO, BOD₅, NH₄⁺ cho 22 vị trí từ DT1÷DT22

Dự báo 04 chỉ tiêu: DO, BOD₅, Độ mặn, NH₄⁺ cho 02 vị trí DT23÷DT24

Kết quả dự báo từ ngày 23÷30/3/2023 xem tại Bảng 2 đến Bảng 5.

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 23÷30/3/2023 ở mức 0‰, như vậy mặn chưa truyền tới trạm cấp nước Hòa Phú (sông Sài Gòn) và khu vực Gò Dầu (sông Vàm Cỏ Đông).

Người dân yên tâm lấy nước cho các mục đích (sinh hoạt, nông nghiệp,...).

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại 02 điểm giám sát từ 23÷30/3/2023, ‰

Kí hiệu	Dự Báo								Min	Max
	23/03	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	29/03	30/03		
DT23	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
DT24	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Ranh mặn	<1 ‰	1‰-4‰		>4‰						

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Giá trị DO dự báo dao động từ 3,39÷6,36 mgO₂/l và cơ bản nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1, B1, trừ một số vị trí cơ bản không đạt cột B1 như: vị trí kênh tiêu sau đập phụ Dầu Tiếng (DT22); kênh Vàm Trảng (DT15), rạch Tây Ninh (DT20, DT21). Do đó cần lưu ý tăng DO tại vị trí này khi cấp nước cho nuôi trồng thủy sản. Các vị trí còn lại đáp ứng nhu cầu cấp nước nông nghiệp.

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 23÷30/3/2023, mgO₂/l

Ký hiệu	23/03	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	29/03	30/03	max	min
Khu công trình đầu mối										
DT1	6,04	6,05	6,07	6,10	6,11	6,10	6,09	6,13	6,13	6,04
DT2	6,15	6,12	6,10	6,08	6,07	6,07	6,08	6,08	6,15	6,07
DT3	6,17	6,20	6,09	6,04	6,12	6,29	6,15	6,35	6,35	6,04
DT4	6,22	6,22	6,22	6,22	6,22	6,21	6,20	6,19	6,22	6,19
DT5	6,20	6,20	6,20	6,20	6,20	6,20	6,20	6,20	6,20	6,20
DT6	6,32	6,33	6,34	6,35	6,36	6,36	6,36	6,34	6,36	6,32
DT7	5,69	5,60	5,49	5,38	5,27	5,20	5,18	5,35	5,69	5,18
DT8	5,68	5,68	5,68	5,68	5,68	5,68	5,68	5,68	5,68	5,68
DT9	6,01	5,94	5,86	5,78	5,70	5,64	5,64	5,79	6,01	5,64
Hệ thống kênh tưới										
DT10	5,47	5,46	5,46	5,47	5,47	5,48	5,47	5,47	5,48	5,46
DT11	5,49	5,49	5,49	5,49	5,49	5,49	5,49	5,49	5,49	5,49
DT12	5,61	5,62	5,63	5,65	5,67	5,70	5,74	5,79	5,79	5,61
DT13	5,64	5,64	5,64	5,64	5,64	5,64	5,64	5,64	5,64	5,64
DT14	5,54	5,54	5,54	5,55	5,55	5,56	5,56	5,57	5,57	5,54
DT15	3,59	3,56	3,53	3,51	3,52	3,50	3,44	3,39	3,59	3,39
DT16	5,48	5,47	5,47	5,47	5,47	5,47	5,48	5,50	5,50	5,47
DT17	5,48	5,46	5,45	5,45	5,44	5,44	5,44	5,45	5,48	5,44
Hệ thống kênh tiêu										
DT18	4,23	4,08	4,04	4,04	4,06	4,08	4,11	4,24	4,24	4,04

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Dầu Tiếng, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 22/3/2023)

DT19	5,35	5,38	5,41	5,43	5,45	5,47	5,49	5,50	5,50	5,35
DT20	3,85	3,86	3,89	3,90	3,89	3,85	3,87	3,99	3,99	3,85
DT21	4,45	4,43	4,36	4,24	4,10	3,98	3,88	3,79	4,45	3,79
DT22	4,09	4,15	4,08	3,95	3,79	3,66	3,78	3,76	4,15	3,66
Khu đầy mặn trên sông										
DT23	4,68	4,58	4,47	4,35	4,24	4,15	4,11	4,22	4,68	4,11
DT24	5,13	5,13	4,98	4,77	4,61	4,51	4,50	4,63	5,13	4,50
QCVN 08 (Cột A1)	>=6									
QCVN 08 (Cột B1)	>=4									
Vượt cột B1	<4									

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Giá trị dự báo BOD₅ dự báo dao động từ 4,07÷32,9mg/l cơ bản đạt giới hạn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1, chỉ trừ 05 vị trí DT15 (kênh Vàm Trắng) và DT18 (kênh Xáng), DT20, DR21 (Rạch Tây Ninh) và DT22 (kênh tiêu) vượt cột B1. Nên cần xử lý nguồn nước trước khi cấp cho nông nghiệp.

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 23÷30/3/2023, mg/l

Ký hiệu	23/03	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	29/03	30/03	max	min
Khu công trình đầu mối										
DT1	5,76	5,78	5,70	5,50	5,22	4,81	4,14	4,07	5,78	4,07
DT2	5,51	5,38	5,37	5,44	5,64	5,86	5,98	5,91	5,98	5,37
DT3	5,60	5,31	5,03	4,82	4,47	4,21	4,76	5,15	5,60	4,21
DT4	6,31	6,28	6,26	6,23	6,20	6,18	6,16	6,17	6,31	6,16
DT5	4,81	4,85	4,91	4,95	5,00	5,09	5,22	5,33	5,33	4,81
DT6	5,12	4,90	4,57	4,24	4,10	4,52	5,17	5,95	5,95	4,10
DT7	5,78	5,71	5,62	5,50	5,34	5,22	5,42	6,83	6,83	5,22
DT8	6,73	6,69	6,69	6,72	6,76	6,79	6,82	6,86	6,86	6,69
DT9	5,00	4,91	4,90	5,24	5,75	6,04	5,96	5,86	6,04	4,90
Hệ thống kênh tưới										
DT10	6,59	6,56	6,52	6,48	6,45	6,42	6,40	6,41	6,59	6,40
DT11	6,48	6,81	7,00	6,99	6,75	6,33	5,77	5,09	7,00	5,09
DT12	7,49	7,10	5,50	5,37	5,40	5,72	6,24	6,63	7,49	5,37
DT13	8,94	9,02	8,84	8,49	8,05	7,52	6,82	6,93	9,02	6,82
DT14	6,91	6,94	6,94	6,89	6,78	6,63	6,55	6,76	6,94	6,55
DT15	20,45	20,03	19,31	18,38	17,37	16,47	15,79	15,35	20,45	15,35
DT16	6,39	6,30	6,31	6,42	6,56	6,67	6,67	6,61	6,67	6,30
DT17	7,09	7,08	7,07	7,06	7,05	7,04	7,04	7,06	7,09	7,04
Hệ thống kênh tiêu										
DT18	27,81	27,43	26,81	26,06	25,27	24,61	24,19	24,23	27,81	24,19
DT19	7,71	7,72	7,74	7,81	7,90	7,92	7,88	7,91	7,92	7,71
DT20	16,29	18,04	18,64	17,52	15,57	14,08	13,56	13,71	18,64	13,56
DT21	21,15	20,33	19,48	18,72	18,12	17,71	18,07	18,70	21,15	17,71
DT22	27,12	31,38	32,93	30,18	24,70	19,98	17,86	17,72	32,93	17,72
Khu đầy mặn trên sông										
DT23	11,21	11,26	11,29	11,28	11,31	11,35	11,53	11,62	11,62	11,21

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Dầu Tiếng, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 22/3/2023)

DT24	11,75	11,92	12,10	12,25	12,36	12,45	12,52	12,63	12,63	11,75
QCVN 08 (Cột A1)	4									
QCVN 08 (Cột B1)	15									
Vượt cột B1	>15									

2.4. Amoni (NH_4^+)

Giá trị dự báo NH_4^+ dao động từ 0,15÷6,76 mg/l, cơ bản đạt giới hạn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1, B1; trong đó lưu ý một số vị trí như DT4, DT5 (lòng hồ); DT15 (kênh Vàm Trảng); DT18 (kênh Xáng), DT20, DT21 (rạch Tây Ninh) và DT22 (kênh tiêu) luôn vượt cột B1. Nên cần xử lý nguồn nước trước khi cấp cho nông nghiệp.

Bảng 5: Giá trị dự báo NH_4^+ tại các điểm giám sát từ 23÷30/3/2023, mg/l

Ký hiệu	23/03	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	29/03	30/03	max	min
Khu công trình đầu mối										
DT1	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28
DT2	0,22	0,22	0,22	0,22	0,23	0,23	0,24	0,24	0,24	0,22
DT3	0,23	0,24	0,24	0,25	0,25	0,26	0,27	0,27	0,27	0,23
DT4	0,42	0,43	0,43	0,42	0,42	0,42	0,43	0,44	0,44	0,42
DT5	0,57	0,59	0,61	0,64	0,65	0,67	0,68	0,69	0,69	0,57
DT6	0,30	0,29	0,28	0,27	0,27	0,26	0,26	0,28	0,30	0,26
DT7	0,27	0,27	0,27	0,27	0,28	0,29	0,31	0,32	0,32	0,27
DT8	0,31	0,31	0,31	0,31	0,31	0,31	0,31	0,31	0,31	0,31
DT9	0,41	0,40	0,37	0,35	0,33	0,32	0,31	0,33	0,41	0,31
Hệ thống kênh tưới										
DT10	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15
DT11	0,34	0,37	0,40	0,43	0,45	0,47	0,48	0,44	0,48	0,34
DT12	0,32	0,34	0,36	0,37	0,38	0,36	0,32	0,32	0,38	0,32
DT13	0,18	0,19	0,19	0,19	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,18
DT14	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28
DT15	3,07	2,72	2,10	1,58	1,36	1,35	1,43	1,55	3,07	1,35
DT16	0,52	0,51	0,49	0,47	0,45	0,43	0,42	0,44	0,52	0,42
DT17	0,31	0,31	0,31	0,31	0,31	0,31	0,31	0,32	0,32	0,31
Hệ thống kênh tiêu										
DT18	5,58	4,85	5,51	6,76	6,00	4,42	3,19	2,92	6,76	2,92
DT19	0,34	0,34	0,35	0,36	0,36	0,36	0,36	0,36	0,36	0,34
DT20	2,91	2,52	2,30	2,28	2,34	2,36	2,10	2,69	2,91	2,10
DT21	1,10	1,04	1,12	1,21	1,29	1,38	1,49	1,71	1,71	1,04
DT22	4,54	3,29	3,01	3,16	3,49	3,91	4,21	4,30	4,54	3,01
Khu đẩy mặn trên sông										
DT23	0,31	0,32	0,33	0,34	0,35	0,36	0,37	0,37	0,37	0,31
DT24	0,48	0,50	0,49	0,47	0,44	0,43	0,42	0,40	0,50	0,40
QCVN 08 (Cột A1)	0,30									
QCVN 08 (Cột B1)	0,90									
Vượt cột B1	>0,9									

Khuyến cáo: Kết quả dự báo chỉ tiêu BOD₅ và NH₄⁺ và thường vượt giới hạn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 tại một số vị trí như: kênh Vàm Trảng giáp Long An và Tây Ninh (DT15), kênh Xáng giáp Long An và thành phố Hồ Chí Minh (DT18), rạch Tây Ninh (DT20, DT21) và sau đập phụ (DT22). Do đó người dân lấy nước cấp cho nông nghiệp cần lưu ý xử lý trước khi cấp. Ngoài ra tùy vào tình hình thực tế tại mỗi khu vực thì người dân cũng như đơn vị quản lý chủ động nguồn nước cấp cho nông nghiệp cũng như đưa ra phương án vận hành công trình phù hợp.